

TỤC CAO TẶNG TRUYỆN

QUYỂN 3

CHƯƠNG I - PHẦN 3: DỊCH KINH.

(Chánh truyện có ba vị).

1/ Truyện Sa-môn Bà-phả, người xứ Trung Thiên-trúc, trụ chùa Thăng Quang ở Kinh Đô thời Tiền Đường.

2/ Truyện Sa-môn Thích Tuệ Trách trụ chùa Thanh Thiên ở Kinh Đô.

3/ Sa-môn Thích Tuệ Tịnh trụ chùa Kỳ Quốc ở Kinh Đô.

1/ Sa-môn Bà-phả, người xứ Trung Thiên Trúc, trụ chùa Thăng Qung ở Kinh Đô, thời tiền Đường.

Ba-La-Phả-Ca-La-Mật-Đa-La, đời Đường dịch là Tác Minh Tri Thức, thuyết khác nói Bà-phả, Hán dịch là Quang Trí. Sư người xứ Trung Thiên-trúc, vốn chủng tộc sát-lợi vương, giòng họ Sát-lợi Đế.

Năm mười tuổi, Sư xuất gia, theo thầy học tập, tụng Kinh Nhất Lạc-xoa Đại thừa, kinh có đến mười muôn bài kệ. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư bèn học Luật tạng, hiểu rộng giềng mối giới luật, tâm ưa thích thiền định, nên Sư lại theo Đại sư Thăng Đức tu tập Định Nghiệp. Sư tu tập chẳng xả bỏ, suốt trong hai mươi năm. Sau cùng, Sư đi về phương nam, đến chùa Na-lan-đà ở nước Ma-già-đà, gặp lúc Luận sư Giới Hiền đang truyền bá thạnh hành “Luận Thập Thập Địa”, nhân đó, Sư đến nghe học. Vì trong luận ấy có nêu cả Tiểu giáo, lại đọc tụng các Luận như: Nhất lạc xoa Tiểu thừa. Sư có sự nhận biết thông minh, khí tiết cao sâu, thông suốt Nội ngoại, nghiêm tinh Đại tiểu. Các bậc Giáo thọ truyền đăng cũng như đồng bạn suy tôn Sư tiếp nối giáo hóa môn nhân. Bát-nhã nhân Đà-la-bạt-ma, v.v.. Học Công dựng xét thấu đạt giềng mối nghĩa lý, nay hiện thống lãnh đồ chúng tại Bốn Quốc giúp hoàng hóa, được các bậc vương thần ở đó khâm phục kính trọng, chỉ vì hàng Thích tử xuất gia chẳng vướng mắc tại một phương. Cứ sáu tháng có

một lần đời đổi, tùy duyên chẳng cố định. Thừa lúc Bắc Địch tham tàn hung hãn, chưa biết được nghĩa phương. Pháp tịch đông người, định sắp hoằng hóa, Sư bèn cùng gần mười vị kẻ tăng người tục lần lượt đi đến phương Bắc, tới nha sở của Tây Diệp. Khả Hãn Diệp hộ, dùng giáo pháp mà khuyên dạy, chưa được mười ngày mà đặc biệt được. Nhưng chúa rất tin phục. Mỗi ngày sai hai mươi người lo liệu sớm tối, kính cầu phụng dâng. Các vị tăng tục đồng bạn đều được đãi ngộ kính quý, sinh phước thêm cung kính, mỗi ngày gấp bội hơn trước.

Niên hiệu Võ Đức thứ chín (sáu trăm hai mươi sáu) Cao Bình Vương ra làm sứ Phiên, do đó gặp gỡ ngài. Cảm kính phong hóa ấy, sắp đặt việc trở về phương Đông mà vua quan Diệp hộ lưu luyến chẳng ứng thuận. Cao Bình Vương bèn tấu trình. Nhà vua ban sắc, Sư bèn cùng Cao Bình Vương đồng đến yết kiến vua. Tháng mười hai năm đó, Sư đến kinh đô, vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc Sư trụ chùa hưng Thiện. Các bậc tài giỏi thông đạt trong Thích môn không ai chẳng tìm đến. Từ xưa, giáo điển truyền bá Từ Chỉ, có những chỗ chưa ví dụ, đều giao phó tông tự, Sư bèn vạch chỉ sự Đồng Dị, Nội chấp ngoại chấp rõ ràng như chỉ tay trong lòng bàn tay. Bày hỏi cùng thù đáp, Sư phân tích giải nghĩa không đuoối lý, mới dâng thẻ tấu trình, mong dẫn vào nội kiến, Sư đích thân truyền trao Pháp lý, không lầm lẫn đối đương. Vua ban tặng Sư bốn mươi xấp lụa màu, và một y nạp mới nơi cung cấm. Sắp đặt thêm năm vị tăng lo liệu cung cấp. Lại thường hỏi han an ủi, Sư phải nhọc tiếp đáp khác thường.

Đến tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ ba (sáu trăm hai mươi chín) Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) cho rằng các pháp hữu vi đều chẳng thật vui, xem lại lời chân thật cần yếu không gì hơn kinh sách nhà Phật, và điểm cùng cực của việc lưu thông chẳng gì trên sự phiên dịch và truyền bá, bèn ban chiếu cho các ty sở tìm tòi suy cử các bậc thạc đức, đầy đủ kinh luận Tam giáo, có được 19 vị, cùng đến chùa Đại Hưng Thiện, mở bày truyền dịch. Trong đó, các Sa-môn Tuệ Thừa v.v.. lo việc chứng nghĩa, sa-môn Huyền mô, v.v.. lo việc dịch ngữ. Sa-môn Tuệ Trách, Tuệ, Tịnh, Tuệ Minh, Pháp Lâm v.v.. lo việc sửa Văn. Vua lại ban sắc cho Thượng-Trụ-Quốc-Thượng-Thư-Tả-Bộc-Xạ-Phòng-Huyền-Lĩnh, Tán-Ky-Thường-thị-Thái-Tử-Chiêm-Sự-Đổ-Chánh luân tham dự hỗ trợ xét định, Quan-lục-Đại-Phu-Thái-Phủ-Phanh Tiêu Cảnh, trông coi xem xét tổng quát. Cả trăm ty sở dâng cúng bốn thứ cần dùng nông hậu. Ban đầu, dịch Kinh Bảo Tịnh, sau dời đến chùa Thắng Quang, lại dịch luận Bát-nhã Đăng, Luận Đại Trang Nghiêm, tất cả được ba Bộ; ba mươi

lăm quyển.

Đến mùa Đông niên hiệu Trinh Quán thứ sáu (sáu trăm ba mươi hai) xét duyệt tất cả và biên chép hoàn tất. Các sở ty đọc rõ mới dâng tấu trình. Nhà vua ban sắc mỗi thứ viết thành mười Bộ, lưu truyền trong nước. Và vua ban tặng Sư trăm thứ vật dụng, ngoài ra, các vị tăng cùng vâng thừa phiên dịch có khác là bố lụa. Vua lại ban sắc Thái tử Thứ tử là Lý Bách Dực soạn lời tựa. Đây đủ như ở đầu luận.

Với chí nguyện truyền pháp của Sư, tâm tình hoài vọng như tở, nhưng các bậc Thánh Đức ở đương thời chỉ biết lo riêng cho chính mình. Có người cho rằng: “Bà-phả kiêu hãnh rong ruổi còn sau. Nên nhóm họp các vị danh đạt, phế bỏ giảng dạy kinh luận. Việc đó nay chưa phải lúc hồng truyền lưu thông.” Có Sa-môn Linh Khuê là người trộm vượt khác thường, khéo thấu suốt cơ hội, đối đáp hỗ trợ khiến đầy đủ sự lý rằng Ngài (Bà Phả) từ xa đến Đông hạ (Trung Hoa) tình trái với lợi danh, chỉ muốn làm cho Đạo Pháp lưu truyền đến ngàn năm, tiếng tăm vang dội suốt thời thượng cổ. Xưa kia dưới hai triều đại Phù Kiên, và Diêu Tần, các bậc Học sĩ phiên dịch kinh điển có đến ba ngàn vị, nay đây, dưới thời Đại Đường, người phiên dịch kinh chẳng quá số hai mươi vị! Ý là mong các bậc minh Đức đồng chứng biết, phải tin chẳng phải nói suông, đời sau rõ ràng phụng vâng chẳng nghi ở ngày nay. Các bậc thức giả cùng bàn luận thêm cũng đồng, sau đó chẳng thành hành!

Bấy giờ, Thái tử bị bệnh, các nơi cứu chữa đều không hiệu quả. Vua ban sắc đón rước Sư vào nội cung, chỉ hơn trăm ngày, gần gũi hỏi han, Thái tử vâng thừa đối đáp không thiếu ý chỉ của vua, khi Thái tử bệnh đã dần đỡ, Sư bèn từ giả trở về bốn tự. Nhà vua ban tặng ngài lụa nhiễu v.v... sáu mươi xấp và mười bộ y phục. Sư thệ nguyện hồng truyền giáo hóa, chẳng sợ nguy nan. Từ xa đến thông lãnh lưu hà, qua lại Chấn Đán, đường đi dài hơn bốn muôn dặm, tự thân mang theo kinh điển bằng tiếng Phạm, với hoài vọng đều phiên dịch hết, bất luận Anh ngạn có rơi lạc lời tở. Vốn chỉ nguyện cao vọng, nhả hoài chẳng thể gièm chê. Nhân bị mắc bệnh, Sư tự biết không thể cứu khỏi bèn phân tán các thứ y phục, vật dụng đến các bạn tu Tịnh nghiệp, rồi đoan nhiên an tọa quán tưởng Di biểu thi thân của Phật. Nhà vua ban sắc đặc biệt chấp thuận. Sau đó, Sư thị tịch tại chùa Thắng Quang, thọ sáu mươi chín tuổi. Thái tử Đông Cung ban lệnh chu cấp hai mươi người đón rước nhục thân Sư về núi. Sau khi trà-tỳ xong, sa-môn Huyền mô thân nhật Di thể Sư, xây tháp tại chùa Thắng Quang, ở phía Đông tháp ngài Tuệ Thừa. Lúc đó là ngày mồng sáu tháng bốn niên hiệu Trinh quán thứ bảy (sáu trăm

ba mươi ba).

Những người có sự nhận biết đồng than rằng “Bánh Xe chánh pháp chột không còn xoay nữa!” Trong bốn năm, Sư hiến dâng công sức dịch ba Bộ kinh luận, cốt cho được tuệ trông mong soi chiếu mê hoặc lâu dài. Dùng đó để mở mang Đạo pháp, mà chưa dám có tiếng tăm. Thế rồi, người mất Pháp tàn, kết quy sai lầm đến thế. Đó là sự xấu xa nơi Đông độ (Trung Hoa) chúng ta, chẳng phải là lỗi bởi Hiền giả ở Tây Vực. thật đáng buồn thương thay!

2/ Truyện Ngài Thích Tuệ Trách trụ chùa Thanh Thiên ở kinh đô.

Thích Tuệ Trách, ngài giòng họ Lý, người xứ Giang Lăng thuộc Kinh Châu. Sớm tỏ ngộ khác thường, thần thái tư duy bén nhạy xa vời.

Năm chín tuổi, Sư đến chỗ Pháp Sư Ẩn ở trong Bồn ấp xin xuất gia. Pháp Sư Ẩn thấu hiểu Sư sáng suốt khác thường, liền độ cho xuất gia làm Sa-di. Ngoài những lúc giảng dạy rảnh rỗi, Pháp Sư Ẩn chỉ bảo cho những điều sâu mầu. Sư lãnh nhập Lý mầu không hề phải suy nghĩ lại. Cầm quyển kinh đọc tụng văn đầy cả bốn mươi trang giấy. Các bậc tài giỏi ở Kinh sở đều khâm phục khen ngợi. Ban đầu, Sư theo Pháp Sư Ẩn, nghe giảng các Kinh Niết-bàn, Pháp Hoa. Sau, chỉ nghe giảng về Tam luận, đều phân tích mới lạ, rất mau lãnh hội.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (năm trăm tám mươi mốt-sáu trăm lẻ một) đời Tùy, Sư trụ tại Chùa Giang Lăng. Lúc ấy đang khai mở pháp tịch, chư Tăng nhóm họp, kẻ tăng người tục đều cho rằng Sư là người tốt lành, công phu sớm thành, nên đều muốn xét xem khí lực nơi Sư nên cùng nhau thỉnh ngài làm Pháp Chủ, Sư chỉ bày hướng dẫn có ý chỉ, nhân đó mà thực hành. Năm mười hai tuổi, Sư bắt đầu khai giảng kinh Niết-bàn, so sánh việc mà xướng từ, nghĩa cao thường bá, luận khó nối nhau, biện luận rành rỗi. Mọi người lớn nhỏ không ai chẳng ngậm lòng. Tiếng ngợi khen vang khắp nẻo đường. Thứ Sử Kinh Châu là Nghi Long Công Nguyên Thọ nghe tiếng tăm của kẻ bé thơ, kinh hãi trội vượt khác thường nên đích thân xa giá đến ra mắt, lại thấy gấp bội hơn điều nghe trước, nên khen thưởng lớn lao nồng hậu. Đem sự việc ấy mà tấu trình lên vua rằng “Sư là bậc Tài tú cao vời ít có ở đời!” Thế rồi, liền có chiếu ban bảo trong bốn châu lo đầy đủ lễ nghi đón rước tiễn đưa. Khi đã đến kinh đô, rất được sự hỏi han an ủi. Nhà vua ban tặng Sư áo nạp; y tăng-già-lê và một bộ y phục, và ban Sư trụ tại chùa Thanh Thiên. Ngài thư thái cùng Bạn đạo mến chuộng ưa thích huyền Nho, tài tuấn

luôn nêu cao trích dẫn không cạn kiệt. Cùng tham dự có các hàng áo mao sĩ tộc đều thay nhau tìm đến cửa sân, không ai chẳng ngợi khen Sư hiệp văn bác đạt, khéo léo nhanh nhẹn. Cuối cùng, Sư nhằm chán sự đua tranh phiến toái ấy, nghĩ muốn tự cứu giúp lắng thân, mới theo Thiên Sư Ứng, bảm thọ tâm học, đóng cửa thất suốt hai năm. Tình dấm qua các cửa, nói nín ở nơi Hiền Thánh, bàn luận trao lý ở Kinh Vĩ. Gặp lúc nhà Tùy vùi chôn Đạo pháp, phụng sự mất thường, đạo quan năm ấy tình vui dừng ở tĩnh lặng.

Đến cuối niên hiệu Đại nghiệp (sáu trăm mười bảy) –đời Tùy, Sư dời đến đỉnh núi Cao Quan ở Chung Nam. Nhân trên đỉnh cao, xây dựng am thất đơn sơ để lộ bày Tâm hình. Gặp lúc thời vận nhà Tiền Đường bộc phát hưng khởi, trăm họ được cứu giúp. Sư chẳng kẹt bởi ta và chúng sinh, bèn đến thành vua, giảng dạy dần nâng cao, khắp thành đô đều xin thỉnh giảng.

Vào niên hiệu Võ Đức (sáu trăm mười tám-sáu trăm hai mươi bảy) thời Tiền Đường, Chư Tăng đông nhiều, thường thiết lập Pháp diên, đều trình bày khí vũ. Bấy giờ, tại chùa Diên Hưng đang an cư kiết hạ, Sư giảng kinh Nhân Vương. Các hàng Vương Công sĩ tướng đều đến nghe đông nhiều. Sa-môn Cát Tạng bèn dựng lập Luận Tông, Thanh Biện từ Thiên-trúc đến, các hàng quý tiện đều chú ý. Sư bèn thi thiết sự bén nhạy, lời trong trẻo, lý hài hòa, tư duy máy động đến Thần kinh chuyển, vượt bốn Bộ sợ hải lòng trăm chúa, ngài Cát tạng ngoái trông xem mà ngợi khen rằng: “Chẳng những luận Biện khó kế thừa mà ức chế cũng móc bạc ít theo được. nay nhà vua bị đất Phiên đích thân xét xin luận phủ, sâu cùng kết nạp, định kết làm thầy bạn.” Sáu người Sư đến thỉnh mời, khiến đến biệt đệ. Sư cho rằng danh tiếng một đời giết chết nhiều thân, trước kia có người từ chối bổng lộc, tất cả đều chẳng nghe ban mạng.

Vào niên hiệu Trinh Quán (sáu trăm hai mươi bảy-sáu trăm năm mươi) Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) mở bày việc phiên dịch, ban chiếu chọn các bậc Danh tăng sử dụng văn bút có tiếng tăm và rõ biết cảo luận chỉ, mới đảm cầm nắm bút dịch Luận. Dịch xong, đem tấu trình. Nhà vua ban tặng một trăm xấp lụa, mỗi vị một bộ y phục. Sư lại trước thuật lời tựa của bộ luận, đề là “Luận Bát-nhã Đăng”. Một tên là “Trung Luận” vốn có năm trăm bài kệ tụng, dùng đèn (Đăng) để đặt tên. Trí Vô phân biệt có công năng Tịch chiếu. Nêu mục Trung tiêu, gương mặt thì duyên quán v.v.. lia hai bên. Song, Đăng vốn vô tâm trí, mất sự soi chiếu thì Pháp tánh Bình Đăng. Nghĩa “Trung” ở tại đó, nên mượn luận

để làm sáng tỏ ý ấy. Hễ luận, để giải thích ý chỉ, chấp theo tục thì mê ở chân, điên đảo giữa khoảng Đoạn và Thường, thẳng thốt giữa Hữu và Vô, giữ lấy cái Danh vùi lấp cái thật, vịn theo cành lá bỏ mất cội rễ. Há muốn vậy ư? bởi có nguyên do nên thử nêu bày đó. Như gây nhân Phân biệt thì vờ lấy Quả luống dối, mê hoặc lâu dài đã un đúc bởi nội thức, bạn xấu ác kết làm duyên bên ngoài. Đến nỗi khiến khinh mạn rung động, tôn trọng núi nên thấy biển cả rộng sâu, lửa phần hận khó xúc chạm, từ bén nhọn ít thích đáng. Nghe nói “Hữu” tâm ưa thích, nghe bàn “Không” sinh phỉ báng. Với sáu thứ thiên chấp, đều tự cho là chẳng thiên chấp. Năm trăm luận sư tranh cãi trình bày Dị Luận, hoặc đem Tà nhiều loạn Chánh, hoặc lấy Ngụy để ngang bằng chân. Nhận biết dường như ngộ mà thật lại mê, giáo điển tuy thông mà lại càng bít lấp, có thể gọi đó mà mất châu ngọc mua vui cùng sỏi đá, bỏ vật báu mà mang vác củi mục. Ngắm nhìn tranh vẽ mà sợ rỗng, tìm dấu vết mà khiếp sợ Voi. Yêu thích như thế, thật đáng thương thay!

Bồ-tát Long Thọ vì cứu đời mà xuất hiện ở đời, chê trách sự đam mê Dục lạc mà phát tâm, đọc kinh sâu xa mà tự mình hẹp hòi, được sự huyền lý của Đấng Độc Tôn. Đốt đuốc Pháp ở Diêm-phù, Địa vị đó vượt cả Sơ Y. Công phu vượt quá Phục vị, đã tận cùng Nhất thật lại nghi-hiền cứu hai năng, mang hai ấn mà định trăm nhà, lẫn lộn ba không mà ngang bằng muôn vật, điểm số kiếp như cấm bụi để thử mọi khó khăn, thương các loài mê muội mà soạn ra luận ấy. Văn nghĩa sâu mầu, ý chỉ huyền diệu, khéo phá bày công. Khấp khiến các hàng Độn Căn phần nhiều khiếp sợ lui sụt. Có Bồ-tát phân biệt rõ ràng đối với Pháp Đại thừa thể nhân đại Đạo, xa xem đọc chân ngôn, vì đó mà giải thích Luận bàn, mở kho Bí mật, ban tặng Châu ngọc Như Ý. Sơ lược và sâu rộng cùng thành, thầy trò hiển bày lẫn nhau. Còn như tự thừa Dị chấp tích chứa khởi sinh ngàn mối. Ngoại Đạo khác chấp lằng xằng muôn mối. Cưỡi xe lừa đua trang với xe ngựa bốn con, lửa đom đóm tranh sáng với đuốc rỗng. Không ai chẳng nêu phẩm lại ấy, hiển bày sư Tông. Ngọc và Đá đã phân, đen và vàng cũng rõ. Tại Tây Vực nhiễm bút mới có vài nhà, khảo xét sự thật, chia chẻ huyền vi, đó là tinh nghệ. Nếu thông suốt gốc ngọn có sáu ngàn bài kệ, ngay bản bằng tiếng Phạm như vậy, nhưng ở phần phiên dịch thì có giảm bớt. Hoàng Đế ta Thần Đạo xa sánh với Hy Hoàng, đào luyện thì ngang bằng cùng tạo hóa. Sùng trọng gốc, dứt bỏ ngọn, không làm gì mà thái bình. Giữ mẹ còn con, chẳng nói năng mà yên trị. Cho rằng Thánh giao lưu truyền đến phương Đông đã trong thời gian lâu mấy trăm năm, mà chỗ trái với ước tượng hẳn còn

nhiều lắm, ít thấy chưa nghe, nhọc trong thức ngủ.

Có Pháp Sư-Bà-Phả-Mật-Đa-La; người xứ Trung Thiên-trúc, học gồm báu mẫn, thông rộng các giải thích, vui mất cái ta, vui vẻ tinh thần sưu tìm huyền diệu mà dưỡng tánh. Cát bước du phương, có tâm niệm vì lợi ích chúng sanh, nên có khả năng mang cột móc truyền thân, nêu rắng bảo bạn, mạo hiểm giữa sương tuyết mà vượt qua Thông lãnh, xâm phạm cùng gió lửa mà dẫm bước giữa sa mạc. Thời gian suốt năm năm và đường dài hơn bốn muôn dặm. Vào niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (sáu trăm hai mươi bảy) thời tiền Đường. Đầu đội mong Kinh điển bằng Phạm Văn đến dừng ở nói kinh đô. Xưa kia, Diêu Tần muốn có được Đồng thọ (ngài Cứu-ma-la-thập) phải khổ nhọc dùng đến binh lính. Hán Minh Đế thỉnh cầu ngài Ca-diếp-ma-đăng phải xa nhọc Phiền Sứ, ở đây nên cảm ứng đạo bạn thâm phù hợp, nước nhà an lành, người tài đức sẽ đến. Quan ty trình tấu, rất vui thỏa lòng vua. Nên vua bèn ban sắc mời Sư (Bà-phả) trụ chùa Hưng Thiện và chùa Thắng Quang, mở đầu việc truyền dịch tân kinh. Và mời các bậc Sa-môn Nghĩa học cùng Vương Công Tế phụ đối xét phiên dịch luận ấy, nghiên cứu kỹ càng diệu chỉ sâu mầu, bỏ văn hoa, giữ lấy thực chất, tự thấy mừng vui hiểu được lý ấy. Cực vãm thệ nghiên cứu rõ điều đúng sai. Văn tuy nhất định mà che lấp rõ ràng, nghĩa tuy sáng mà phải tra xét lại. Đến niên hiệu Thọ Tinh xem xét hoàn tất, thành tựu luận ấy. Quán rõ Trung Đạo mà còn “Trung” mất “Quán”, “Không” hiển bày Đệ nhất nghĩa mà được Nhất thừa không. Nhưng, xe của ty Nam vốn chỉ bày cho kẻ mê, kiếng của Chiếu Đảm để soi xét người tà. Không tà thì kiếng không cần phải thi vi, chẳng mê thì xe chẳng cần phải dùng tới. Luận ấy phá bày, đó còn như thế. Tuy chê trách nội mà ngăn bít ngoại, dứt hết vọng, suốt cùng chân mà chỉ còn điều huyền diệu. Phá tận cùng chỗ có thể phá, thên thang thay! Lớn lao thay! Đón rước mà chẳng lượng xét được cội nguồn, thuận theo đó mà chẳng biết tới ngành ngọn. Tin đó thì cùng mài giữa sáng sửa tâm thần, là thuyền xe vượt bể mênh mông, là sấm sét kinh hải hôn mê tỉnh thần thức, là nhật nguyệt soi chiếu con đường tối tăm.

Tại Trung Hoa, trước kia vốn có bộ Trung Luận bốn quyển, với số kệ tụng phần lớn giống nhau, do ngài Tân-đầu-lộ-già chú giải có phần tối nghĩa nơi Bộ Chấp, nên các học giả mịt mờ. Nay luận này đã khởi dậy, có thể làm khuôn phép soi sáng, ngõ hầu các bậc Quân tử Minh đạt thấu rõ pháp vị ấy. Lời tựa, Sư (Tuệ Trách) đã soạn xong mà chưa trình tấu ngay. Nhà vua ban sắc Bí Thư Giám Lư Thế Nam soạn lời tựa. Lư Thế Nam thấy lời tựa do Sư soạn liền khen ngợi, không lấy gì để thêm

bớt. Nhân đó mà tấu trình lên Vua. Bèn đặt lời tựa ấy ở đầu quyển, truyền chép vào tạng kinh.

Đến ngày mồng sáu tháng bốn niên hiệu Trinh Quán thứ mười (sáu trăm ba mươi sáu) Sư thị tịch tại chùa Thanh Thiên, thọ năm mươi bảy tuổi. An táng tại phía Đông Kinh Giao. Liệt Toại lập bia ca tụng hương thơm đức hạnh Sư. Thái Thường Bát Sĩ Trữ Lượng soạn lời văn.

Từ lúc biết Đạo của Sư, thường luôn tôn sùng sự biện nhã nhanh nhẹn của Sư, người đương thời cho là phỏng theo ngài Tuệ Thừa, hẳn là dốc lòng bàn luận, ngôn từ chú giải khó hiểu cho cùng, không thi vi nào chẳng thành đạt. Sư giảng các kinh luận, như Hoa nghiêm, Đại Phẩm, Niết-bàn, Đại Trí Độ, Nhiếp Đại Thừa, Trung luận, Bách luận v.v... đều giải thích chương bộ, quét sạch các thứ ngưng trệ. Sư lại đọc tụng các Kinh Niết-bàn, Pháp Hoa, âm văn thuần tốt. Lúc thuật lại cho chúng nghe thì lời tiếng trong trẻo, trầm bổng đến nỗi nhập thần. Sư lại tiết giảm các vật, dùng để viết tạng kinh, xét duyệt vừa xong bèn sửa sang kính cẩn. Sư lại giỏi hướng dẫn, đứng đầu đại chúng, thư thả vui thích vật tình, được các bậc văn hùng ngợi khen, Sư đặc biệt rõ suốt cổ tích, riêng hiểu về thư họa. Các hàng Sĩ tử nơi chốn Kinh Hoa thường tỏ bày điều chân ngụy, Sư đều giúp họ thật định rõ về người đời. Sư, với căn chương từ thể nổi bật chốn năng lưu, nét bút Thảo, lệ tên nêu nơi Đài phủ. Mỗi lúc có Quan cung thăng tập, hẳn mời Sư đến dự cùng. Các vị công khanh cầm giấy cầu xin Sư viết điền phó. Ngài tùy theo giấy mà phóng bút, bay nhanh như gió. Tảo úy hùng thư dật hoa ở đương thời rất phong phú, nên lưu lại các thứ vui chơi rất nhiều, treo ở những nơi khuất chướng, hoặc khắc ghi bên phải chỗ ngồi. Sư soạn Vịnh tập tám quyển, lưu hành ở đời.

3/-Truyện ngài Thích Tuệ Tịnh trụ chùa Kỳ Quốc ở Kinh Đô.

Thích Tuệ Tịnh, họ Phòng, người ở xứ Chân Định thuộc Thường Sơn. Gia đình nhiều đời nổi nghiệp Nho Tông nên trong làng đều kính chuộng. Ngài giống như con của Tuy-Triều-Quốc-Tử-bác-sĩ Huy Viễn. Vừa mới sinh ra thiên tánh đã vượt trội, nhã hoài thiên thập, phong cách cao vời, khí mạo rộng lớn. Ở độ tuổi bé thơ mà sớm tập học sách vở của Khổng Tử, hiểu suốt văn tụng, vẻ vang cho xóm làng.

Năm mười bốn tuổi, Sư xuất gia. Chí nghiệp tỏa phát rộng xa, mỗi ngày đọc tụng hơn tám ngàn lời, nắm rõ các từ nghĩa, ít có người sánh bằng. Sư đến các trường giảng để nghe giảng, dò hỏi chất vấn các điều thắc mắc, nêu bày nghiên cứu những điểm sâu mâu thường đạt đến chỗ

cùng cực. Sư nghe giảng Luận Đại Trí Độ và các bộ kinh khác mà thần thái vượt trội riêng mình, thấy nghe đều khác thường.

Có Luận sư Chí Niệm, tiếng tăm vang xa ở Đông Hạ, người thời bấy giờ gọi là “Hang núi suốt cùng giáo nghĩa Tiểu Thừa”. Sư (Tuệ Tịnh) bèn tìm đến theo nghe giảng các Luận Tạp Tâm và Bà-sa, học được hai biển đã tinh thông đại nghĩa. Sư sư tìm gốc rễ cành lá, chuyên vạch bày thấu suốt đến cùng. Do đó mà tiếng tăm tốt lành vang tỏa, học chúng kính trọng khâm phục. Cuối niên hiệu Khai Hoàng (sáu trăm lẻ một) đời Tùy, Sư đến trụ thành Nghi đế, thường phân tích trùng quan, tiếng tăm lại vang xa.

Đầu niên hiệu Đại nghiệp (sáu trăm lẻ năm) đời Tùy, nhân tìm theo vết xưa, Sư đến Hoè lý. Gặp lúc Thỉ Bình Lưu Dương Hoàng nhóm họp các Đạo tục đến chùa Trí Nghiêm, muốn yêu cầu các Đạo sĩ trước mở Đạo Kinh. Khi đó, bạn Đạo tuy đông đây, nhưng không ai dám chống đối, Sư nghe bèn bảo rằng: “Ồ cõi U minh kết tập được bốn Bộ, cân nhắc hai tông giáo, trộm có điều chưa hiểu, xin hỏi điều nghi. Thế nào là lễ của chủ khách tự có thường luân, giống như giày và mũ, không thể diên đảo, đâu thể ở nơi chùa Phật mà bảo Đạo sĩ trước làm chủ ư? Giáo nghĩa Minh Phủ có thứ tự, xin chớ để rơi vào công tích! Lệnh có ý chỉ ư? Bao nhiêu lần lần ở sau tức khiến tăng sĩ ngồi ở trước. Chẳng nhọc nhã được ư?”

Có Đạo sĩ Vu Vĩnh Thông, rất được người đời khen ngợi, là chỗ mến trọng của Linh Hoài, lần lượt lập nghĩa rằng: “Có vật hỗn độn hình thành trước lúc trời đất sinh ra. Tôi không biết tên nó là gì, theo chữ thì gọi là “Đạo” khiến liền nói bày, và liền bảo: “Pháp sư chắc phải dùng từ ngữ nghĩa lý thích đáng mà đối đáp, không được phạm ngang đầu lên đuôi, khi đó khiến mũ bằng khăn.” Sư nhân đó, cười và Bảo: “Bần đạo đã không có mũ và khăn, vậy đâu thể phạm ngang đầu?” Linh bảo: “Nếu chẳng phạm ngang đầu thì phải phạm lên đuôi. Sư bảo: “Bần đạo cởi giày lên tòa tự có thể lên mà không đuôi. Minh Phủ mở đai mũ khăn thì có thể gọi là đuôi mà không đầu!” Linh tỏ vẻ bẽn lẽn, Sư nhân đó hỏi Vu Vĩnh Thông rằng: “có vật hỗn độn hình thành. Vì thế nó là một nên hỗn độn hay Thể nó khác mà hỗn độn? Nếu thể nó một mà hỗn độn thì ngay lúc hỗn độn đã tự thành một thì một chẳng phải Đạo sinh. Còn nếu thể nó khác nên hỗn độn thì lúc chưa hỗn độn đã tự thành hai, thì hai chẳng phải do một khởi trước sinh ra Đạo, cầm đầu xếp bày các thứ khác. Xin vì xét điều nghi!” Khi đó, Vu Vĩnh Thông mặt mờ, thẹn thùng không đáp được. Sư lại bảo: “Ông đã mở cửa tiếp đãi kẻ địch, đúng là

phải cổ vũ dung thứ cho sự mạnh mẽ khác, chứ đâu được như cây Đào Cây mận mà lại mọc gai gốc ư?” Rồi, Sư ngoái trông Linh, bảo rằng: “Minh phủ đã vì Đạo mà giúp đỡ lấy gì mà cứu giúp?” Linh bèn tỏ vẻ mỗi mết. Từ đó về sau, thường có sự cứu giúp, Sư đều ứng phó mà bề ngoài, không gì chẳng che vết.

Từ đó, đối với giáo nghĩa Đại tiểu thừa, ngài đều vui thưởng cả hai, nghiên tâm pháp vị càng sâu. Ngoài việc chủ thuật, Sư còn tìm dịch, không nhàn rỗi. Bỏ quét nhà trống, tổng lược tông xưa, Sư tiếp nối soạn Tập Tâm Huyền Văn, thành ba mươi quyển, bao gồm các sách vở, gồm thâm xưa nay. Các bậc tài giỏi đều tham dự trầm ẩn. Sau cùng, lại dùng luận Câu-xá phiên dịch ngôn từ ý chỉ dồi dào rộng sâu, tuy có trình bày vết tích mà chưa hết sự tìm cầu nghiên cứu. Mới là không thầy chỉ dạy, tự ngộ riêng mình, Sư nghĩ chọn danh lý, bèn soạn văn số hơn ba mươi quyển, khiến cho diệu nghĩa của Bộ kinh nối liền máu chốt, sáng tỏ ở đương thời. Kế-tân Chánh Tông truyền phương Quý Tự, học sĩ Dĩnh Xuyên Dũ Sơ Tôn thỉnh Sư chú giải Kim Cương Bát-nhã, Sư bèn soạn thích văn nêu nghĩa, chứa nhóm làm thành hưng thịnh, thấu cùng nguồn giáo của chân tục, suốt tận bí yếu của Đại thừa, lưu bố xa gần, viết chép tụng trì. Rừng từ ngữ Văn học truyền đến các tâm miệng, tiếng tăm chứa nhóm cùng tốt lành, tiếp nối kể vai thường nghe. Thái Thường Bác sĩ Trữ Lượng, Anh Tảo trong sáng vượt trội, danh dự sớm vang xa, khâm phục đức hạnh tài giỏi ấy, vì soạn lời tựa dẫn. Trong đó, từ ngữ viết rằng: “Nếu khối lớn đều có hình tướng, đối trí theo vật. Tình do tập quán sửa đổi, tánh và lo nghĩ thay đổi. Cho nên xem xét thấu cùng, sáng soi Tiên giác, chong đuốc tuệ đã ra khỏi tối tăm lâu dài, vượt sông ái mà lên đến bờ kia. Cùng phàm trôi lăn muôn kiếp. Bởi nhiễm sáu trần, theo dòng vì không bờ mé, sai lầm rong ruổi mà đi vào đường hẹp. Chẳng đồng ngày mà nói. Dữ Sơ Tôn ở Dĩnh Xuyên sớm kính tin rộng lớn, cho rằng Bát-nhã là chỗ sáng soi kết quy về Chánh đạo, hiển bày danh tướng của Đại thừa, nêu chỉ Tông cực của Bất trụ, vượt khỏi tâm lo nghĩ, dứt bật ngoài niệm tượng nói năng. Do đó, mà kết tóc thọ trì qua nhiều năm. Tuy Diệu âm giảng nói thành văn tụng chẳng thiếu sót, mà nguồn kinh sâu rộng có chỗ chưa tỏ ngộ. Ôi! Mê lầm phương hướng ấy chẳng xa, ngoái nhìn đường giữa mài mà rộng dứt. Gặp được Pháp Sư Tuệ Tĩnh thông rành nghĩa sâu kín, biện luận đồng như nước chảy, lý nghiên cứu, suốt liên hoàn. Dữ Sơ Tôn vào thất nghiên cứu, ứng phục khéo léo dẫn dụ, nương thệ nguyện ấy, vẫn cầu xin chú giải. Pháp sư (Tuệ Tĩnh) treo kiếng xét soi quên mỗi mết, chén Cù tự đầy. Trên nhờ Đạo

của Thần ứng, bên cạnh dùng hết cơ tâm, bày xương lờn nhiệm mầu, tuyên dương chí lý. Nghi cũ ngày trước tiêu mất như băng tan. Nghĩa mầu nay đây sáng rắng như mây vệt mở, làm rường cột của thời tượng pháp, biến đổi mắt tai của loài chúng sinh. Núi Từ xinh đẹp rọi ánh linh thứu mà cùng cao, suối lời khởi mạnh đến long cung mà tranh xa. Vả lại, Đạo Phật hưng khởi ở trời Tây, nguồn Đạo truyền rót đến phương Đông. Vui đời Hiền Trí, tài hiệp với ưu, tinh gồm Duệ Chỉ, ít thấy hạng người ấy. Nay thì Diệu Môn mở mang lại, có tiếng ở đương đời, Tưởng rằng huyền tông ấy un đúc làm xứng thủ. Năm chỉ hưng thịnh tốt tươi, mở đầu cho Hoài tụ, tháng dâm trọng lã, nhân đó bật bút. Các hàng tăng tục kính ngưỡng, mái che thành bóng mát, gõ chuông, tùy theo tiếng lớn nhỏ, hươ kiếm phát ra sắc thái sáng lòa. Đồng một thời, học chúng chuyên môn thợ nghiệp, cùng vượt sóng cả, xa cùng truyền trao. Mới lại ngoái trông nhìn rừng xa, cúi nhìn an sinh. Riêng bước trên đường cao, đối đương với Chánh Pháp, Liêu đông chân Bản. Trông mong theo vàng mà chẳng bỏ, nơi Chỉ Nam gửi gắm, cất giấu các thứ ngọc mà không hư mục. Há chẳng hưng thịnh sao, há chẳng hưng thịnh sao!

Vào đầu niên hiệu Võ Đức (sáu trăm mười tám) - thời Tiền Đường, bấy giờ Sư vì các vị Quan liêu trong Tam phủ trên dưới đều nhóm họp ở Diên hưng, các vị Đại Đức khắp kinh thành đua nhau trình bày ngôn luận. Có Pháp sư Thanh Thiên (có lẽ là ngài Tuệ Trách?) lập Pháp nghĩa không, tiếng tăm vang dội rức rở ở đương thời. Tướng Phủ ký thất vương kính nghiệp thưa rằng: “Pháp Sư (Thanh Thiên) lên pháp tòa giảng bày nghĩa lý, khó đối đáp. Nếu chẳng phải sa môn Tuệ Tịnh ở chùa Kỳ Quốc thì không ai có thể bề gãy được sự sắc bén ấy! Bèn báo cho Sư (Tuệ Tịnh) cùng luận đối. Sư bảo rằng: “Nay ở bên cạnh Người Anh hùng, có xen bậc long tượng, kính vâng đối đáp cùng với Thượng nhân khó thành cao luận. Tuy nhiên, dám nhờ uy đức thâm góp sương thu, ân tuệ ban rải như mưa xuân, khiến Tuệ Tịnh tôi thưa hỏi chất vấn thắc mắc nhỏ, để Pháp sư khen ngợi Đại tuệ, há chẳng phải là sự hưng thịnh của Phật Pháp ư?” Nhân đó, Sư hỏi rằng: “Chưa xét về Pháp “không”, “không có” gì mà phải phá?”

Đáp rằng: “Dùng “không” phá “không”, chẳng phải lấy “Hữu” để phá”. Hỏi vặn rằng: “Chấp “không” là bệnh, lại dùng “không” để phá. Thế thì, chấp “Hữu” là bệnh, lại lấy “Hữu” để trừ. Khước bỏ qua lại, nên không lấy gì để giải.”

Niên hiệu Trinh Quán thứ hai (sáu trăm hai mươi tám), tân kinh đã được truyền đến, sửa soạn việc truyền dịch. Vua Thái Tông (Lý Thế

dân) ban sắc cho các Quan ty tìm chọn các bậc Danh đức. Sư cùng dự nhóm họp, lo việc ghi chép luận “Đại tạng nghiêm”, ngôn từ ý chỉ sâu mầu suốt tận lời Phạm. Bốn tông đã thành, đồng thời soạn văn sở thành ba mươi quyển, nghĩa suốt xưa nay, lời hay tiếng tốt. Tam Tạng Pháp sư cùng Bộc xạ phòng Huyền Linh, Hồng Lô Đường Kiệm Thức Tử Đổ chánh luân, Vu Chí Ninh vỗ vào lưng Sư ngợi khen rằng: “Đây là vị Bồ-tát ở phương Đông. Nếu tự chẳng phải thiên chất tinh sáng thì đâu thể dùng đến cùng cực lời ấy ư?” Đó là khác vực được khâm phục như thế.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười (sáu trăm ba mươi sáu), khai giảng tại Bốn Tự, các hàng vương công tể phụ tài biện có tiếng tăm không ai chẳng tụ hội. Bấy giờ cho là vẻ vang lắm. Kinh phụ dừng xoay, lớn lời trình bày, chống đối đều xứng Cơ, giao phó thư thả có thừa, Thái tử Hoàng Cân hoẵng là người tài giỏi ở đương thời, là người khuôn phép trong Đạo môn. Mới bày luận hệ, nhân đó bèn trưng cầu, tự che lấp đầu mối ý nghĩa, lạc mất mạch lạc bốn tông. Sư bèn đặt từ điều dẫn, Thái Tử Hoẵng v.v... mới uống khí mà trở lại. Cùng ngồi mở núp, quý thức đều tốt đẹp. Từ đó về sau, Sư gánh vác pháp tượng, kết chúng hội giảng dạy mở mang. Nên khởi hòa mục, hưng thịnh Đài phủ. Lương Quốc Công phòng Huyền Linh cầu xin làm Bạn Đạo với Sư, kết nghĩa làm Anh em. Sớm tối đến tham yết, tự thân dốc hết sự chí thành, cung cấp bốn việc cần dùng, với tâm kính thành. Sư tự hiểu rõ vinh hiển ấy, quên cả thân mạng vì Đạo Pháp.

Sư lại soạn Pháp Hoa Kinh Toản Thuật, mười quyển. Và các Kinh Thắng-man, Nhân Vương, Bát-nhã, Ôn thất, Vu-lan-bồn, Thượng Sinh, Hạ sinh v.v.. mỗi kinh đều nêu bày yếu toản, lưu hành hưng thịnh ở đời, đều là văn nghĩa chặt chẽ hay khéo, suy tôn lên cao. Nên mỗi lúc có mở mang rộng rãi làm tỏa sáng mặt trời Phật. Các hàng tăng tục tụ hội vui mừng hòa hợp cùng nghe. Bấy giờ, Đại Pháp được truyền bá khắp nơi, phần lớn cũng do công lao của Sư. Nhưng sở học ở cuối đời có lắm người nhận thức thấp cạn, nếu chẳng liên quan bên ngoài thì lời nói không được giũamài. Như muốn phá dẹp được hàng Di Đạo thì phải lấy sở học này để làm đầu. Sư thường dùng một phần công phu đặt tâm vào Văn Sử, ngợi khen dẫn thành việc chuyên, bỏ ích cả tính thần, mà tánh người ưa thích phong lưu, tình gửi gắm nhân hậu. Tâm tư tràn đầy niềm thương mến, quên mình tiếp vật, thư thả viết lời sáng sửa, suốt ngày không mỗi mệt, nên khiến mọi người xa gần nghe được đạo phong của Sư đều đến tham thỉnh rất đông, Sư đều ứng biến tiếp bày. Tinh thần

mọi người vui thích mà trở về. Hoặc dùng bút làm thi phú, duyên tình cảm hứng mà nêu bày, suốt trong mười ngày, tác động thành văn hội. Pháp Sư Hòa Lâm ban đầu soạn “Xuân Pháp Tập”, viết rằng:

*“Non Thúu sáng chọn trước
Kỳ viên bày kính xưa
Triết nhân trọng gót võ
Hoàng Đạo gặp bầy Rồng
Tòa cao hoa sen mọc
Mây trần rung thông sương
Bụi bay nâng nhã Phạm
Gió đến dẫn sơ chung.
Lời tinh lặng Biển nghĩa
Luận bày cao từ bén,
Tâm rộng, Đạo dễ hợp
Vết rộng đạo khó bày,
Gió động lay khí tốt
Ngày đẹp mở giờ êm.
Tài cao ví Nhã Thập
Trông mình lăm bạn theo
Dùng dây kính chứa lành
Ngõ hầu gặp Linh hoa.”*

Sư lại cùng các bậc anh tài gom góp ngôn từ làm bài Phú “Đắc thăng Thiên hành” (Được đi lên trời) với lời thơ rằng:

*“Đón gió qua Lang uyển,
Vỗ hạc xuống Doanh Châu
Muốn ngắt cỏ chi đẹp,
Trước theo ngàn hận đi
Cưỡi Phụng ngâm sáo rộng,
Gá bè thả dòng trôi,
Tuổi già một lần dừng,
Mới nghiệm thu Đại thung”*

Sư lại cùng Lô Tán Phủ đi đến Đạo tràng chùa Kỳ Quốc làm bài thơ rằng:

*Mặt trời soi nhà Hán
Sao chiếu tối triều Chu
Thành pháp từ đây dựng
Gác hương vốn cao vời
Mâm Châu hứng sương mọc*

*Chùa Phụng rủ khí lành
Rơi chiếu vào cửa trống
Ráng hồng kéo qua cầu.
Tài cao tạm nhìn thẳng
Giải mây nhẹ nhàng trôi
Muốn tìm ngựa hay giỏi
Trợn là Tạ Liên Lộc”*

Lại, một ngày giữa đông tại Chùa Phổ Quang, đang bị bệnh, thấy tuyết rơi trên những con đường cũ, Sư làm bài thơ rằng:

*“Ôm bệnh khổ lâu ngày
Mở cửa nhìn trời xa
Mây lạnh duỗi lại cuốn
Tuyết rơi dứt lại liền
Hoa lạnh soi gác sách
Trắng bay theo đàn cầm
Xoay nhẹ rơi thơ thần
Sáng ánh như dải lụa
Quanh thềm như hạc múa
Cây rung tựa Hoa tươi
Luống thường điềm hụng thạnh,
Lo lắng, tự thương xót!”*

Lúc ấy, các bậc Đế triều Tế quý, Triệu Công, yên công trở xuống các bậc Danh thần cùng hòa xướng, có đến cả trăm bài. Trung Thư Xá nhân Lý nghĩa Phủ là bậc tài giỏi của Văn uyển khen ngợi mãi không thôi. Và viết lời tựa của tập thơ, v.v.. do đó, lời xướng càng cao, các bậc Huyền nho đều ghé mắt đọc xem. Hàm lâm văn sĩ suy thừa quán tuyệt, tranh nhau soạn tân chế, thỉnh cầu Sư vạch chỉ vết sai. Sư cho rằng việc làm của người sai chẳng có gì lạ. Rồi mới tìm tòi góp nhặt những hay đẹp ở cận đại, soạn “Thi Anh Hoa” một pho mười quyển. Các hàng thức giả ưa thích noi theo xem xét chỗ hay ho. Ngô Vương hỏi bàn cùng Lưu Hiếu Tôn là bậc Văn tài cao trội, vì soạn lời tựa, viết rằng:

“Văn là nghĩa của Phật giáo lớn rộng thay! Chỗ trí thức chẳng thể đặt để Danh ngôn. Chỗ xem nghe chẳng được thấy biết. Các ngài Mã Minh, Long Thọ mở mang Thánh chỉ ở trước, các ngài Tuệ Viễn, Đạo An rộng hóa lời nhiệm mầu ở sau. Còn như tiếp nối dấu vết cao mà dắt dẫn, nhảy vượt khuôn phép mà đi xa. Như vậy, ai là người có khả năng? Chỉ có Pháp sư Tuệ Tịnh. Pháp sư bản tánh thuần hòa, bẩm chất do núi sông ban giáng tinh thể. Thần cõi mở bên trong dung lượng, tâm

tỏa sáng rỡ bên ngoài. Ở tuổi tóc để trái đào mà đối nhật, tóc vừa bới chỏm lại tham huyền, ngẩng lên cao tới ngọn cây, đến tận thêm mây bằng thước mộc, nước lớn dâng tràn. Tắm gội mặt trời, dẫn ở suối đầy mà đước tuệ sớm tỏ. Thiên trượng sớm hưng thịnh, đến duyệt xuyên mà dứt tư lự, nhìn nước Định mà vui vẻ tâm thần. Bùn ngùi kia luống sống, tỏ ngộ thường vui đây. Ba thừa áo nghĩa vỡ lẽ như băng tan, Pháp môn Nhị Đế mừng vui thuận lý. Bồng chốc bắt đầu từ Đông Hạ, Trượng tích tại Tây Tần. Đến chỗ trường giảng lãnh hội lời hay mà ảnh hưởng. Vạch nghi bỏ trệ, nghĩ nhớ nghĩa cao mà ảnh hưởng theo, gương sáng thường soi chiếu không mệt nhọc, hồng chung đợi gõ mà ngân vang. Cùng Bờ đầy lượng, đối đi thật về. Thật là rường cột của Phật Pháp, lãnh tụ của Tăng đồ!

Trước kia, tôi đến chốn kinh đô, được tỏ bày cảnh một, lặng lẽ chốn tịnh vạch mây mà trông thấy quang cảnh. Vắng vẻ an nhàn vào thất mà sinh hư bạch. Pháp sư đem thực tế mà chỉ bày tôi, lấy chân như mà dẫn dắt tôi. Trút vào Biển, chẳng biết nó cạn sâu. Núi học luống trông sự cao vợi. Vì những lúc Pháp sư nhàn rồi việc giảng diễn, đến xin chỉ dẫn Hàn lâm, như là bài “vườn liễu cây Du trời”, Vịnh “A các tựa song”. Ngụy vương ở Bắc Sơn bày nghĩ Nam Quốc, bài Phú “Tự trông như trăng sáng”, “Trời mưa nhỏ” của Bành Trạch. Đến khi Nhan Tạ duỗi vẻ đẹp, Nhậm Thẩm góp nhật Văn, đủ để lý hội tám âm, lời hợp bốn thi, đều lần lượt noi theo, tích chứa làm thành khuôn phép, há riêng ngồi sáng ở ngày trước mà không người tiếp nối thước mực hay sao? Ở đời gần đây các bậc Văn nhân tài hoa xuất hiện. Vua Võ Đế (năm trăm sáu mươi một-năm trăm bảy mươi chín) thời Bắc Chu chấn chỉnh Hùng Đồ, sửa sang Chương Phủ. Vua Cao Tổ (Dương Khiêm năm trăm tám mươi một-sáu trăm lẻ năm)- đời Tùy cất giấu anh lược, dẹp định Giang Hoài. Đây một xe sách, mở lớn trường học. Ôn hình danh dự vang xa nơi Đông Hạ. Từ Dữu giá được xem trọng ở Nam Kinh, Vương Tư không đơn lẻ xinh đẹp một thời, Thẩm Cung Tử nêu kỳ đặc trọn đời. Tất cả những kẻ sĩ tài đức ấy đâu thể thiếu sót ư? Tự xen vào thành cũ mở vịnh khơi tỏa cảnh sáng, mở lớn Văn Đức, đạo thông suốt Tiền Vương. Kẻ sĩ xa trục theo gió đến, hang rừng, khách mời như mây nhóm. Nên có thể đề nén hay nâng cao Hán Triệt, mang thai nuôi dưỡng Tào Phi, Văn nhã chứa nhóm phát khởi từ đó mà thành hành.

Tôi tuy chẳng thông minh nhưng trộm có ý chí, hang son ngậm đổi, tiếc Lăng Cốc mà dời thay. Ở đó dễ muộn, so thường sự khó thường người đời. Nên thỉnh Pháp sư tạm trở về Thanh Giám, góp nhật từ thập,

cất bỏ phiền tạp, vì Quân tử không khoe khoang, chọn lọc thơ chưa làm vết ấy. Sau khi Lưu Đình Úy chọn chỗ vườn thơ, biên chép mà tiếp tục. có Dữu Sơ Tôn ở Dĩnh Xuyên, sức học suốt bao trùm Phần Tố, hạnh ngang bằng Nham Mẫn, và Phủ Vi Sơn ở Kinh Triệu, sáng rõ có tiết tháo đặc biệt, sau bắt thâu gồm các lời, cùng Pháp sư chu toàn, tình vượt keo sơn, thấy sự hưng thịnh ấy đều cùng tán thành. Mạng sống con người có giới hạn, Dữu sơ Tôn chợt qua đời. Lời vĩnh biệt xót xa biển đổi. Trong khoảnh khắc trông xem Di Văn ấy, lâu ngày bầy dấu vết. Nay cũng lần lượt vấy bẩn đến người sau! Pháp sư vâng theo chương cũ biên soạn Hồng liệt ấy. Tôi nhân những ngày nhàn rỗi kính thuật lại những phương pháp tốt đẹp đó, khiến cho Dĩnh xưng sở về với đàn sáo mà phát ra âm hưởng. Xuân hoa thu thật cùng với đất trời còn mãi lâu dài. Bèn sai bầy chúng ghi chép phương pháp tốt đẹp ấy. Năm chúng cùng mừng vui được trí tuệ nhận biết đó. Tất cả những người có tham dự hay lưu lại trong nhà cất lấy một bản. Từ đó, Nước nhà thường luôn nhóm họp đông đảo, Sư hẫn là người dẫn đầu. Mỗi lúc vào cung vua, Sư có lên Thượng tịch, kén chọn hợp với tâm Vua, các cung đều kính trọng.

Từ lâu, Hoàng Trữ hưởng bổng lộc đức tổ, nên đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười ba (sáu trăm ba mươi chín) ông nhóm họp các Quan cùng các bậc Học sĩ trung Tam Giáo (Thích, Nho, Lão) đến điện Hoàng Văn, và thỉnh Sư (Tuệ Tịnh) khai giảng Kinh Pháp Hoa. Đạo sĩ Thái Hoã giảng về Đạo (Lão) luận, rất khéo léo tốt đẹp. Vua Cao Tông (Lý Thế Dân) ban lệnh cho cùng nhau đối Kháng luận. Khi đó, Thái Hoã sửa sang dung nghi hỏi rằng: “Kinh gọi là “Phẩm Tựa thứ nhất” chẳng hay biết Tựa và thứ là thuộc phần nào?” Sư bảo: “Đức Như Lai nhập định bày hiện điềm lành, phát ra ánh sáng khác lạ chuyển động Đất trời, hoa rưới xuống như mưa, mượn xa để phá gần, vì phá hai nền tảng lớn làm sáng tỏ một Do tiệm, nên làm “tựa”. “Đệ” là Cư (ở), Nhất là Thủ (đầu). Phẩm Tựa là ở trước hết, nên gọi là “Thứ Nhất”. Thái Hoã nói: thứ (thứ tự) tức là em. Đã là Đệ thì không thể gọi là Nhất(Một). Nói là Nhất thì không thể gọi là Đệ. Hai chữ ấy mâu thuẫn, làm sao hiểu được? “Sư bảo” Ngày xưa chẳng gọi Đệ tức là Cư, và Nhất là thể ư? Vì ông đã không lãnh hội được ý chính ở trước, mà sai lầm trình bày vấn nạn ở sau, khiến trở thành làm khó cho tự mình, đâu thể làm khó người khác được.” Thái Hoã bảo: “cho rằng tôi không lãnh hội, thì xin giải thích lại..” Sư bèn mở lệnh bảo: “xưa kia có hai người, một người tên là Xà-noa, hễ nói chối thì quên quét. Còn một người tên

là Thân Tử, nghe một mà hiểu đến ngàn. Thế thì, Xà-noa nghe lại mà chẳng ngộ, còn Thân Tử chỉ vừa mới xướng đã được thông hiểu. Đó chẳng phải do người truyền đạo không rõ, mà chỉ là bởi người nhận lãnh Pháp không có tài trí. Thái Hoãng nói: “Pháp Sư nói tiếng chẳng ra khỏi môi làm sao nghe nhận được?” Sư bảo: “Bồ-tát giảng pháp, âm thanh rung chuyển cả mười phương. Đạo Sĩ ngồi tại chỗ mà như mê như say, đầu hay hình thể điếc mù, trí ấy có lẽ cũng có.” Thái Hoãng nói: “Đã can nói pháp làm sao nghe được?” Sư bảo: “cõi trời trang nghiêm hùng vĩ, lí bật vết thú. Đạo sĩ hồn mê nên cho người là súc vật.” Khi ấy, có Khổng Dĩnh Đạt giữ chức Quan cúng rượu lên Quốc Tử, tâm còn a dua theo Đạo Sĩ, giấu quạt ruồi mà bảo rằng: “Nhà Phật vốn không tranh cãi. Cớ sao Pháp sư lại gây nên như thế” Sư bảo: lúc Đức Thế tôn còn ở đời, việc ấy đã xảy ra, Phật phá hàng ngoại đạo, ngoại đạo không thấu suốt, trở lại nói Phật rằng: “ông thường tự nói bình đẳng. Nay đã dùng cực nạn mà phá ta, tức là bất bình, vậy đâu gọi là bình đẳng” Phật trả lời “ lấy bất bình nơi ta để phá cái bất bình nơi các ông, nếu các ông được bình tức là ta bình. Và, nay đây cũng như thế. Lấy sự tranh cãi của Tuệ Tịnh tôi để phá sự tranh cãi của Đạo Sĩ kia. Đạo Sĩ ấy được không tranh cãi tức Tuệ Tịnh tôi không tranh cãi”

Lúc đó, Hoàng Trữ bảo Khổng Dĩnh Đạt rằng: “Ông đã nói hết lời, tức thật là a dua với Đạo Sĩ. Sư bảo: Tuệ Tịnh tôi có nghe. Người Quân tử phải biết không a dua. Khổng Dĩnh Đạt đây cũng a dua ư?” Hoàng Trữ tự nhiên vui vẻ cười lớn. Cả pháp hội tưng bừng hớn hở. Nhà vua ra lệnh bảo: “Chẳng những pháp lạc dẫn đến như thế.” Nên mục đích của Pháp sư Tuệ Tịnh là muốn cả Tam giáo đồng phát ngộ cùng lúc. Sư đã từng vào nội cung cùng các Đạo Sĩ kháng luận, bàn nói quyền bính tạm thời chỉ huy, khiến mọi người ngồi chung quanh đều kinh sợ. Thái Hoãng, v.v... là những bậc tài giỏi thống lãnh trong đạo môn mà gặp phải trường hợp bị đốn phá như thế, tiếng tăm đều mất. Hoàng Trữ mắt chăm nhìn thần thái bén nhạy của Sư mà khó nói thêm gì được, bèn thỉnh Sư làm chủ chùa Phổ quang.

Ban hạ lệnh viết rằng:

“Pháp Sư Tuệ Tịnh là bậc Thượng toạ ở chùa Kỉ Quốc, thật đáng danh xứng cao xa, hạnh nghiệp nổi bật. Nếu làm khuôn phép trong chốn già-lam thì sẽ có lợi ích lớn. Nay xin mời trông coi đảm nhận chùa Phổ Quang”

Sư lấy việc mở mang tuyên giảng làm chính, thích ở chỗ vắng vẻ. Tuy đội ân vinh hạnh mà tâm chưa an, mới quanh co cao từ, song

không được chấp thuận. Bù ngủ cảm khái ân sủng ấy, bèn vội viết khái văn cảm tạ rằng: “Cúi vâng ân lệnh cho Tuệ Tịnh tôi làm chủ chùa Phổ Quang, nhưng trông coi việc Thượng tọa ở bổn tự (tức chùa Kỳ Quốc). Kính vâng lệnh chỉ, sợ sệt chẳng biết liệu tính thế nào! Chỉ vì Tuệ Tịnh tôi chẳng toan lường được sự vụng về dốt nát, ít chuyên kinh luận, dụng tâm vượt quá khả năng, nhân đó mắc bệnh lâu ngày khó chữa khỏi. Cứng cỗi tợ chó ngựa, tuổi già suy tệ ngày một rất lắm. May nhờ còn được mạng sống mà nạp dưỡng. Ít khi giảng nói, gọt mài ngu độn, khuyên răn lếu láo, hỗn tạp đủ thứ xuy hư. Còn như cầm nắm lấy giống mối, từ trước đến nay không hề rõ biết, sửa sang tăng chúng vốn việc chẳng quen. Ân sủng khiến kéo lôi kẻ ngu dốt suy yếu này đều là việc ân kia. Trộm nghĩ buồn thương rằng: “Cá nai đổi chỗ, mất sự thích nghi của khô ướt. Tròn vuông thay chất, trái với tánh nhậm vật. Tình đã chẳng bằng, sự thật bức bách cõi lòng. Vỡ mình kinh sợ, chẳng rảnh yên nghĩ. Nhưng ân chỉ to lớn, không dám từ nhượng. Kính cần dâng khái văn cảm tạ tấu trình, càng thêm lo sợ.”

Hoàng Trữ ban lệnh đáp rằng: “Chợt thẹn nhục đón thư đem đến, rất lấy làm khoảnh khắc an ủi. Sau ba lần đọc kỹ, bất giác mừng vui! Trộm nghe rằng: Đức Như Lai tuy dấu vết khởi tại nhân gian, mà Đạo trùm ngoài trời. Thần Công Diệu lực chẳng thể suy nghĩ bàn luận, vắng lặng vô vi thì đường ngôn ngữ dứt, trạm nhiên thường trú thì chỗ tâm hành diệt. Chỉ vì chúng sinh trần đầy phiền não, chìm nổi nơi sông ái, không thể không cứu vớt chúng sinh thoát ra dòng sông rộng lớn, khiến đưa lên đến bờ kia. Nên vào ra trong ba cõi, lên xuống ở sáu loài, rảo khắp mười phương, chỉ vì như thế. Như ở đất phước Vườn Nai, non Thứu linh sơn, rưới Cam lồ ở rừng thiền, quay bánh xe pháp nơi cõi tịnh, căn dặn các Bồ-tát cứu độ muôn loài. Sau đó, phát ánh sáng trên khuôn mặt, diệt ảnh ở Song thọ. Thuyền báu tuy mất mà Di giáo hiện còn. Đó là Pháp thân Đức Như Lai không khác. Nhưng người có khả năng mở rộng Đạo, Đạo chẳng mở rộng người. Xa thì có các ngài Di-lặc, Văn-thù, gần gũi vâng thừa âm chỉ, gần thì có các vị như Phật-đồ-trùng, La-thập mở sáng kinh giáo, năm trăm lễ một bậc Hiền, tin tưởng chẳng phải nói suông, ngàn dặm một lần gặp bởi chẳng phải lời luống dối. Pháp sư trước kia đang ở thế tục, môn xứng Đức chung, bay dãi mũ nơi trường Đông, nhả lời ngọc trên trường học, nên được bao dung hậu còn, truyền tốt đẹp giống như con. Thường dùng thơ xưng ba trăm, chẳng lìa khổ không. Đến lễ ba ngàn chưa khởi nơi sinh diệt. Nên phát thế nguyện lớn, hồi hướng đạo Bồ-đề, cắt bỏ hai búi tóc, đắp mặc ba

pháp y, còn như kệ tụng của Đại thừa, tiểu thừa, Văn nghĩa của Quảng thuyết, lược thuyết. Hay những Bộ Thập tụng, Tăng-kỳ, Tám bộ Bát-nhã là luận của hai ngài Vô trước, Thiên Thân, đàm lý của Pháp môn cú nghĩa, đều vạch trần bụng ngực, khơi tháo đục trong. Còn như lên giảng toà, mở ra trường giảng. Tinh nghĩa nhập thần, tùy loại đều hiểu. Tả viết biện của dòng thác, khơi động từ của Liên Hoàn, Bích Khê vinh dự ở Hán Thần, Bạch Mã ngợi khen nơi Ngao lại. So sánh điều ngày nay với ngày xưa. Ấy lại phải người nào? Do đó kính ngưỡng thỉnh cầu Pháp sư làm chủ chùa Phổ Quang, kiêm trông coi việc Thượng tòa ở Chùa Kỳ Quốc. Lại nghe rằng: “Nếu Tâm riêng lành có hạn thì lý cứu giúp chúng sinh chẳng rộng, ý phân biệt ta và người chưa mất, thì tình giữa ta và người chưa bằng phẳng. Vả lại, chùa Phổ Quang và chùa Kỳ Quốc đều là Đạo tràng, xưa trụ nay ở đâu có gì khác nhau mà Pháp sư lại viết trong Trạng Văn là Cá Nai đổi chỗ, mất thích nghi của khô ướt. Đó là ý còn nơi khiêm nhường, giả gọi là trần lạ. Xưa nghe rằng: Trưởng giả Lưu Thủy cứu được mười ngàn con cá. Thợ săn nơi hoang vắng đâu hại được nai ba quy y, chỉ khiến lưới bẫy không dùng thì ngôn tượng tự quên!”

Sư lại cảm tạ rằng: “Lại mong đợi lệnh chỉ, ân đơm nhuần càng lớn, tìm sâu thêm lo sợ. Chỉ vì Tuệ Tịnh tôi, Học hổ thẹn soi chiếu tuyệt, hiểu thẹn thùng với truyền đăng. Lạm chịu vinh hạnh được đến chỗ chẳng hoài mong. Lại được nhờ ban rủ thân bút ấy, ban khắp dẫn dụ rộng lớn ấy. Văn sáng rõ thân tượng, điều hợp với đá vàng. Thêm nữa ân bao gồm cả Đạo tục, thấm nhuần cả còn mất. Khen đến cao sâu, thí vượt núi biển, tuần hoàn trăm biển, buồn vui lẫn lộn. Luống biết thâm cảm, há bày đóm sương, từng phiến khúc giảng. Trông lại mình có lấm hổ thẹn. Kính cẩn dâng trạng văn cảm tạ tấu trình, lại càng thêm run sợ!”

Lúc Sư đến thì Hoàng trở lại hạ lệnh ban cùng chúng tăng ở chùa Phổ Quang rằng: nghe rằng: chánh pháp ẩn mất ở Tây vực, Tượng giáo lưu truyền đến Đông Hoa, xưa qua nay lại trải nhiều tháng năm, mà các ngài Nan-đà, Ca-diếp, Mã Minh, Long Thọ đã đồng như Bình tả, nếu có Đăng truyền nên được Diệu Chỉ vi ngôn, rủ văn thấy ý. Cho nên, ba mươi hai tướng tốt khắp đầy trời người, mười hai thể loại kinh truyền bá khắp các cõi. Người do từ đường ấy thì cao thẳng trên đường cái thông bốn hướng, kẻ mê lạc lối thì trôi lăn trong sáu thú. Hang lý pháp môn, Huyền tông mật tạng. Nếu chẳng phải là bậc sâu sắc rộng lớn trong thiên hạ thì ai có thể cùng như thế ư? Hoàng Đế đem Thần đạo thiết

giáo lợi ích chúng sinh, nên xây dựng Nhân từ khắp nơi, tiếp nối làm hưng thịnh Chánh giác. Chọn đất tốt ấy, xây già-lam này. Thỉnh mời Danh tăng đứng đầu nước nhà, trưng nêu Thượng Thủ của đế Thành. Các kẻ sĩ nơi núi rừng chống gậy đi đến, tân khách chốn triều đình mặc áo rảo đến tòa. Nghĩa Diên đông đúc, Vạn Pháp đông đầy. Thật là ruộng phước của xóm làng, là cõi thọ của muôn dân. Lại thêm, từng doanh điệp cán, Tháp báu đài hoa, đánh gõ Hồng chung mà chẳng huyền nao, xưởng cao Thanh Phạm mà càng tĩnh lặng. Như Đức Phật Lô-xá Na an tọa nơi Pháp Đường Phổ Quang, linh tướng tốt tươi, thần biến vang hưởng. Lấy nay để so sánh xưa, tối cùng thâm hợp, giữa khoảng Danh và khí đầu chấp nhận lập sông. Nhưng mà tăng đồ kết tập phải có kỷ cương. Hỏi các đại chúng ít gặp được người ấy. Nhiều ngày tìm kiếm nêu bày lại thêm bàn luận, đều nói rằng: Thượng tọa Tuệ Tịnh ở chùa Kỳ Quốc, tự tánh thanh tịnh, chẳng phải nay mới có. Phong thần tuần tú tài giỏi, thấu mắt chẳng thích hợp nay. Còn như tạng báu nơi cung rồng, tôn kinh tượng lực, đều vượt trội tự sinh nhận biết, không thầy chỉ dạy, riêng mình tự ngộ. Đầu chỉ có thuyết Tứ Đế; Nhất thừa, sự luận bàn Bảy chỗ tám hội, muốn cầu lấy chỉ quy, được hưởng đến chân thật mà thôi. Nên cũng tẩy trừ huyền yếu, đọc xem chí ngôn của họ Lão, lọc sạch tinh vi, tuyên bày Nghĩa mẫu của Trọng Ni. Không gì chẳng hết lý cùng tánh, tìm gốc bày nguồn. Đức hạnh Sư đến như thế. Học thức Sư cũng đạt như vậy. Nay thỉnh Sư làm Tự chủ chùa Phổ Quang, trông coi cả việc tại chùa Kỳ Quốc. Song, Ngài nghĩ ngợi rút lại muốn sống tĩnh lặng chẳng chịu đảm nhận phải ân cần tha thiết thỉnh cầu mới chịu chấp nhận. Chỉ vì gia nghiệp của Bồ-tát, thể chuộng hòa hợp. Nếu đắc Vô Tránh tam-muội, tự nhiên dứt hẳn đoạn mười phiền, cũng nguyện cầu tất cả chữ tăng trong bốn tự cùng nhau mở rộng ý này.”

Và với lễ nghi trong việc kính thỉnh đều y cứ làm theo tăng pháp. Lại bảo ban sở ty kiến tập giảng hội, thiết trai cúng dường, tất cả đều thỉnh Sư rộng khai giảng nghĩa lý. Sư cho rằng các hàng quan liêu tụ tập đông nhiều, vinh quang một thờ, nếu không phải do năng lực của Kinh pháp thì làm sao có được vậy? Nên mới khai giảng Kinh Pháp Hoa, sau cùng giảng về đại luận. Các bậc tài giỏi cao quý tìm đến tấp nập cả Pháp hội. Nên hay tiếp nối, dẫn dắt tăng tục, vỗ về truyền trao học thức, dạy cúng tế, ruổi rong luận bàn làm ảnh hưởng rất lớn về kế hoạch tốt, đếm mức thấu đạt thanh ngôn, rạng ngời trước, dứt bật sau.

Có Thái tử Trung Xá Tân Tứ, với học thức thông cả Văn sử, mà ngạo đối tự khoe, đề chương đặt bút, không ai dám đương đầu đối lại có

soạn viết xong được gì thì Tân Tứ đều sắp bày ra đất. Cho rằng trong chúng Tăng không có người nào được cả. Ngài tức giận sự khinh thường ấy, mới soạn luận để phản kháng. Với lời Văn rằng: “Thích Tuệ Tịnh tôi ở chùa Kỳ Quốc kính đáp lại với Đông cung Tân Trung Xá rằng: Bày đọc xem cao luận, rộng nghiên cứu tinh vi, ý chỉ dồi dào, văn từ hoa nhã đến nỗi kinh tâm lừa mắt. Biện suốt sáng tỏ, lý vượt liên hoàn. sâu khó thốt nhiên ngang dọc, buông vẻ đẹp hay nối tiếp, ánh ngời ráng mây sánh cùng rực rỡ. Hợp vàng đá để cùng hài hòa, Văn chương rực rỡ. Khởi thấu sâu mầu, nếu chẳng là kẻ sĩ anh triết thì ai có được tâm trần đầy như thế. Dồi dào thay của bậc Thượng nhân, nên khó cùng đối mặt. Tôi nhẹ đem trí không thông minh, dám soạn viết dâng tấu bày, đâu thể bảo rằng: xét nghi thà đáp khách hỏi vặn.

Luận chép rằng: “Một lời diễn xướng mỗi một tùy loại mà nhận biết. Các loài chúng sinh nhỏ bé máy động đều có tánh Phật. Vậy thì Phật-đà cùng Tiên giác, nói theo tục khác. Trí tuệ và Bát-nhã nghĩa vốn huyền đồng. Tập trí giác như chẳng là Thắng nhân, niệm Phật tuệ há lên quả mầu?” Xin đáp rằng: “Lớn thay điều nêu lên ấy! Xa kín sâu mầu, mịt mờ khó lường biết. Chúng ta có thể tin ư? Hay là nghi ngờ? Nếu tin thì chẳng lẽ không như thế, còn nếu không tin thì chẳng lẽ chẳng sâu vậy ư? nhưng mà, hàng hạ sĩ chẳng cười. Vì chẳng đủ lấy làm Đạo. hàng Trí cận chẳng nhạo báng. Vì chẳng đủ lấy làm sâu. Hàng kính đạt cao minh, chắc chắn không cười hay nhạo báng. Chỉ bởi lời nói ấy lãng lạt, lý đắm trong hiểm nghi. Nay tôi nói lược đại khái cho nghe, như là hỏi Đồng mà đáp khác. Văn rực rỡ nơi sách Khổng, Danh một mà nghĩa trái. Lý rõ ràng trong kinh Phật. Như tên gọi đồng thì chẳng chấp nhận nghĩa khác, thì hỏi một chẳng được đáp khác. Thế lệ này đã lên thì kia đồng đều tự xuống. Nếu ông chưa thấu hiểu thì sẽ chỉ bày lại. Hễ trụ vào không chỗ trụ thì muôn điều lành do đó mà gồm tu. Làm không gì chẳng làm, một lời do đó mà đều ứng. Đâu chỉ dứt bật thánh, xả bỏ trí, ôm lấy một, giữ lấy mềm yếu, lạnh nhạt riêng mình tốt, nghĩa không gồm giúp. So sánh lời hơn kém, đó có thể thường ư? Hai Tông đã trình bày, trăm nạn ngừng dứt.”

Luận chép rằng: “Chắc chắn cho rằng Danh ngôn kia đây có thể phân biệt, một lời mà mỗi mỗi tự hiểu, là thường quen không bàn luận.” Xin đáp: “Thật ý chỉ của Như Lai cũng phải phân biệt. Trộm về tiêu dao nơi một. Chim Bằng, chim yến chẳng thể ngang bằng chín muôn. Tốt tươi hay khô héo là đồng. Cây xuân cây nấm chẳng thể ngang đến tám ngàn năm, hướng là lửa bó đuốc mà ngang bằng mặt trời, mặt trăng.

Phương của ngậm tươi lúc mưa, thà đem phân đồng làm sáng tỏ thấm nhuần, mà bèn quân bình sự tươi sáng thấm nhuần. Còn như một sơn hào, lớn hay nhỏ, Bành Thương đều là thọ yếu. Cột đình loạn ngang dọc, thi lệ lẫn lộn sự đẹp xấu. Ấy đều do cùng đái ngộ nhau chẳng nhất định, xâm đoạt lẫn nhau có thể quên. Trang Sinh do đó dứt bật chỗ có bít lấp, chẳng thể cho là ban đầu không vật. Đó là vì tôi phân biệt, thì ông phân biệt, ông quên phân biệt thì tôi quên phân biệt. Quân tử bàn dũ may không luận cột bỡn, một lời dễ mất, dẫu xe ngựa bốn con cũng khó đuổi tìm. Văn ấy dạy răn, sâu sắc đáng thận trọng thay!”

Luận chép rằng: “Các Hành vô thường, xúc loại duyên khởi, lại tâm có đối đãi, giúp ý vượt tìm cầu. Vậy thì ta thanh tịnh thọ ở huân tu, tuệ định thành do khéo khắc”. Xin đáp: “Có vô thường nên ta đi, có duyên khởi mới có ta đến, cho nên ta đi. Ta há là thường ư? Mới có Ta đến, ta há là đoạn ư? Mới nên tương truyền, nhờ huân tu để thành tịnh. Tốt Xấu cùng thay nhau, chẳng phải khéo khắc mà khó công, cho nên sinh diệt phá bỏ Đoạn Thường, Nhân quả hiển bày Trung quán. Tốt tươi thay, là tông bàn luận ư, là Diệu vậy! Đó thật là Trang Thích Huyền Đồng, Đông Tây lý hội, mà chúng ta bỏ kia lấy đây, vậy không sai lầm hay sao?”

Luận chép rằng: “Tiếp tục nuôi sống Chim le, giết tiết chim Hạc dang thường há là chân như. Cờ hóa Ong bay, ở đâu yếu mất?” Xin đáp rằng: “Tự nhiên tức là Báo phần, huân tu tức là Nghiệp lý. Báo phần đã định, hai chim kia chẳng ham muốn ở mạng sống ngắn dài, Nghiệp lý vốn duyên, hai chim đều đợi chờ mà bay hóa. Nhưng mà sự vật hiện tượng dễ nghi, thâm hợp khó hiểu. Kẻ sĩ cầu vẫn lầm hoặc không dứt, còn như những vị Đạo chứng được bốn quả còn mê mờ hạt châu trong túi áo, Bồ-tát hàng Thập Địa, còn mịt mờ la hộc. Các bậc Thánh Hiền còn như thế, huống gì hạng tầm thường ư? Tự chẳng soi kiến ba minh, hùng bay bẫy biện tài, đâu có thể khéo khế hợp huyền cực, phu diễn nghiên cứu sâu mâu? Bần đạo nhờ vị thọ nghiệp cửa nhà, bè bạn theo đó gởi. Nguyên có thể chọn tốt lành, dám dưng có sô củi rác. Nếu như khua đánh, xin nguyện rõ điệp vàng vậy!”

Khi ấy, những người Quý đạt ở khắp cả lang miếu đều kính ngưỡng cao phong, mỗi người cất giữ một Bồn đeo ở cổ áo, cùng nhau tụ bàn vui lấy làm lời trước tiên. Tân Tứ ngay khi ấy mang đội trên đỉnh đầu, chóng bỏ lưới tà. Chốn đế đô vinh hiển, vạch mây trông nhìn mặt trời. Mỗi tự thấu triệt vàng lụa, tạo dựng phước đức lớn.

Có Sa-môn Pháp Lâm là người bao gồm kinh sử, nắm bắt mọi

điều, thấy biết những điều xưa trước. Nhân phá tà nghi mới gửi thư đến, thư viết rằng: “Gần đây được đọc xem luận Chiết Nghi đáp lời Tân trung Xá, từ nghĩa bao trùm, nêu bày tỷ dụ siêu tuyệt. Ánh sáng ngọc làm mờ mắt của Ly Chu. Tiếng khua vang làm nhức óc Sư khoáng. Hẳn về Diệu lý cùng trong Hoàn Vũ, sự tận cùng vườn biện luận. Thí như ngọc hành ngang bằng Tuất mai, như biển cả mệnh mông gồm thấu nước trăm sông. Rực rỡ thay! Cao vợi thay! Lời vượt quá sự thấy nghe, lý thoát ngoài sự nghĩ bàn, đủ có thể lấp cửa các sự thấy biết, mở đường đắc ý. Còn như Trú không chỗ trú, nghĩa của gồm tu ở đó. Làm không gì chẳng làm, công tề ứng lớn. Đem lệnh giữ mê yếu, Nhan hậu khéo léo bền lễn hình dung. Mới hiển bày lý khác, há Huyền đồng có thể được hay sao? Hễ lập tượng để bày ý, được ý thì tượng quên mất, nếu quên được điều đáng quên thì tình của đây kia đều hết. Chẳng phải quên cái chẳng đáng quên thì tình của đây kia đều hết. Chẳng phải quên cái chẳng đáng quên thì cái khác của Đại Tiểu có khác. Vậy đủ biết, mặt trời mặt trăng đã lớn dụng thì không dùng ánh sáng của bó đuốc. Lúc mưa đã tuôn, há nhọc phiền sự đượm nhuần của ngậm tưới. Nên nói đây kia có thể quên, chẳng phải là không đây, cho nên ta đi, vì cố đi mà biện luận vô thường, Ta mới đến, gá mới đến mà bàn về Duyên khởi. Chẳng phải mới, chẳng phải cũ, nghĩa của huân tu chẳng thành, không sửa không khắc thì công tốt xấu ai mang lấy. Bởi lấy sinh diệt để phá cái mê đoạn thường kia, gá nhân quả mà nêu bày đường của Trung Quán ấy. Chấm dứt Đoạn kiến, thường kiến thì yếu mất đồng quy, lý Trung Quán dung thông thì chân như tự bày. Hoặc bàn về nghiệp lý để làm rõ huân tập, chợt mở Báo phần để giải thích tự nhiên. Ý vượt ra đầu mối tình cảm, chỉ quá ngoài văn. Báo phần có đó, le hạc tự quên mất mạng sống ngắn dài. Nghiệp và lý làm nhân cho nhau thì cỏ, ong mỗi thứ tự chịu bay hóa. Có thể gọi đó là ở trong không danh tướng mượn danh tướng để nói, hiểu chân hội tục, há chẳng vậy ư? Tân Trung Xá có thì Thiên bửu chưa ngang bằng người có thuyết tận lý. Ông ấy có thể xấu hổ với tang ngẫu. Nhan sinh có thẹn thì ngôi mà mất. Có thể dứt hai thứ lấy, bỏ, hết nhất trí của điên đảo. Sở đã được đó, Tề cũng chưa là mất, Pháp sư thông hiểu chúng sinh chẳng ai bằng, Trí nghĩ vô hạn. Ngay đây riêng bước một mình, và ngay đây làm ruộng cột. Đã là chỗ mọi người cùng nhận biết, thật cũng Danh xứng vang khắp. Thêm vì nhiều lần ra mắt nơi cửa vàng, từng lên chỗ ngôi trên, quạt gió huyền nơi áo hạc, đánh trống pháp ở lầu rồng, bảy thứ quý trút rót vào sống mòi, Ngũ sư suy cử Thần tuần. Đã tung cánh che, lại vung vải bề rộng.

Ngang hàng cùng Chi tuần, Vương Hà đầu kham cùng sánh. Phương của Miên Tổ, kê nguyên chưa đủ liên hành. lấy xưa liệu nay. Sư có đủ như thế! Pháp Lâm tôi bị bệnh ở Nam Sơn, gá tâm nơi hang sâu, chẳng ra chẳng ở, mệnh mang nghĩ ngợi với gió mây, chẳng thấy chẳng nghe, gởi tình cùng suối đá. Tình cờ xem đọc Danh tác, thật dứt ưu phiền, chợt đọc Huyền chương, thì dứt bệnh tử xưa. Bồi hồi ngâm đọc, xoay quanh quán mở, cất giữ ôm hoài trong tay áo. Bất giác lấy giấy viết chữ lược bày mãnh ý, kính cẩn bộc bạch thư này!”

Ngài soạn Phú Từ vì các Đạo Hiền khen ngợi như thế. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (sáu trăm bốn mươi lăm) cũng còn xem trọng việc Phiên dịch, quan sở ty phân biệt, lại không liên loại. Nhà vua ban chiếu thỉnh Sư đến, Sư cáo bệnh bèn thôi. Nay Sư đã sáu mươi tám tuổi, tiếng tăm vang vọng càng cao. Tâm bệnh có lúc phát động, hoặc dừng mưa Pháp, tạm có lúc đăng lâm đến nơi học quán. Bạn nghĩa thì tiếp nối mũ miện Sư, văn cú thì định phân dài ngắn, từ thể thì nêu bày tinh hoa, âm vận thì hòa cùng hài điệu, thần khí Sư cao sáng đủ dẫn những lẽ yếu hèn, nghi dụng Sư sâu sắc càng mở Liên sĩ. Đó đều là tự bắt đầu mà liền viết. Nên không thể hết những tiềm ẩn, v.v.. của Sư.